

ỦY BAN NHÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
HUYỆN BÌNH CHÁNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Chánh, ngày 16 tháng 10 năm 2017

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CHỌN VÀO CÁC ĐỘI DỰ TUYỂN
THAM DỰ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ - NĂM HỌC 2017 - 2018

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Môn thi	Trường THCS
			ngày	tháng	năm				
1	Lê Hữu Tiến	Anh	9	12	2003	Bình Phước	9/1	Công nghệ	Vĩnh Lộc A
2	Lê Tấn	Bảo	30	10	2003	Tp. HCM	9/3	Công nghệ	Phạm Văn Hai
3	Nguyễn Đào Anh	Đạt	25	1	2003	Bình Chánh	9/1	Công nghệ	Tân Quý Tây
4	Phạm Trung	Hiếu	11	6	2003	Tp. HCM	9/4	Công nghệ	Phạm Văn Hai
5	Ung Phú	Hưng	18	5	2003	Quảng Ngãi	9/1	Công nghệ	Vĩnh Lộc A
6	Võ Anh	Kiệt	22	2	2003	Quảng Trị	9/4	Công nghệ	Phạm Văn Hai
7	Trần Minh Ngọc	Khánh	14	12	2003	Tp. HCM	9/1	Công nghệ	Vĩnh Lộc B
8	Phạm Thị Phương	Quyên	27	02	2003	Tp. HCM	9/9	Công nghệ	Nguyễn Thái Bình
9	Phạm Song	Toàn	1	3	2003	Long An	9/6	Công nghệ	Tân Quý Tây
10	Tạ Thị Như	Thủy	24	8	2003	Hà Tây	9/6	Công nghệ	Tân Nhựt
11	Lê Xuân	Tân	10	10	2003	Tp. HCM	9/8	Địa lý	Bình Chánh
12	Nguyễn Tuấn	Kiệt	20	11	2002	Tp. HCM	9/7	Địa lý	Nguyễn Thái Bình
13	Châu Trọng	Khang	18	07	2003	Tp. HCM	9/8	Địa lý	Nguyễn Thái Bình
14	Nguyễn Phú Văn	Thiên	03	05	2003	Tp. HCM	9/2	Địa lý	Nguyễn Thái Bình
15	Huỳnh Lê Trúc	Linh	16	05	2003	Tiền Giang	9/6	Địa lý	Nguyễn Thái Bình

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Môn thi	Trường THCS
			ngày	tháng	năm				
16	Nguyễn Thị Ngọc	Phuong	16	3	2003	Gia Lai	9/3	Địa Lý	Phạm Văn Hai
17	Lương Thị Tú	Linh	15	05	2003	Tiền Giang	9/1	Địa Lý	Tân Kiên
18	Phạm Thu	Ngân	15	01	2003	Tp. HCM	9/1	Địa Lý	Tân Kiên
19	Trịnh Phương	Tâm	17	8	2003	Tp. HCM	9/7	Địa Lý	Tân Nhựt
20	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	13	04	2003	Đồng Tháp	9/3	Địa Lý	Tân Kiên
21	Võ Thị Hồng	Thắm	4	7	2003	Tp. HCM	9/5	Địa Lý	Tân Nhựt
22	Phạm Ngọc Mỹ	Anh	30	07	2003	Tp. HCM	9/3	Địa Lý	Tân Túc
23	Trương Thanh	Huy	31	12	2003	Tp. HCM	9/4	Địa Lý	Tân Túc
24	Lê Thị Ngọc	Nhi	29	08	2003	Tp. HCM	9/2	Địa Lý	Tân Túc
25	Thị Thị Hồng	Nhi	24	7	2003	Tp. HCM	9/1	Địa Lý	Vĩnh Lộc A
26	Trần Nguyễn Khả	Tú	21	3	2003	Tp. HCM	9/1	Địa Lý	Vĩnh Lộc A
27	Nguyễn Thị Bích	Trần	15	6	2003	Tp. HCM	9/1	Địa Lý	Vĩnh Lộc A
28	Nguyễn Hoàng Như	Ngọc	24	10	2003	Vĩnh Phúc	9/2	Địa Lý	Vĩnh Lộc A
29	Lê Hồng	Vy	20	12	2003	Tp. HCM	9/2	Địa Lý	Vĩnh Lộc A
30	Nguyễn Hữu	Danh	3	12	2003	Tp. HCM	9/8	Hóa học	Bình Chánh
31	Thái Hồng Thủy	Tiên	1	11	2003	Tp. HCM	9/8	Hóa học	Bình Chánh
32	Trần Cao Gia	Bảo	21	12	2003	Tp. HCM	9/7	Hóa học	Đa Phước
33	Đào Xuân	Cường	10	6	2003	Tp. HCM	9/3	Hóa học	Đồng Đen
34	Nguyễn Vỹ	Khang	6	4	2003	Tp. HCM	9/9	Hóa học	Bình Chánh
35	Ngô Lan	Hương	11	1	2003	Hà Nam	9/7	Hóa học	Lê Minh Xuân
36	Lê Thanh	Ngọc	8	2	2003	Tp. HCM	9/7	Hóa học	Lê Minh Xuân

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Môn thi	Trường THCS
			ngày	tháng	năm				
37	Nguyễn Thái	Bình	30	06	2003	Tp. HCM	9/2	Hóa học	Nguyễn Thái Bình
38	Lưu Thị Mỹ	Duyên	12	02	2003	Tp. HCM	9/1	Hóa học	Nguyễn Thái Bình
39	Nguyễn Tấn	Đạt	08	12	2003	Tp. HCM	9/1	Hóa học	Nguyễn Thái Bình
40	Đặng Xuân	Nhi	21	12	2003	Tp. HCM	9/7	Hóa học	Lê Minh Xuân
41	Nguyễn Tuấn	Kiệt	12	08	2003	Tp. HCM	9/1	Hóa học	Nguyễn Thái Bình
42	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	2	2	2003	Tp. HCM	9/1	Hóa học	Nguyễn Văn Linh
43	Trần Văn	Quyển	31	3	2003	Tp. HCM	9/7	Hóa học	Lê Minh Xuân
44	Trần Ngọc Yến	Vy	28	7	2003	Bình Chánh	9/8	Hóa học	Tân Quý Tây
45	Nguyễn Thị Kiều	Trang	19	10	2003	Tp. HCM	9/1	KT THTT	Tân Kiên
46	Phạm Thị Quỳnh	Nga	27	11	2003	Thái Bình	9/8	KT THTT	Phạm Văn Hai
47	Lê Thị Kiều	Hạnh	13	4	2003	Tp. HCM	9/6	KT THTT	Nguyễn Văn Linh
48	Nguyễn Bảo	Long	6	3	2003	Tp. HCM	9/1	KT THTT	Phạm Văn Hai
49	Phạm Lê	Vy	26	3	2003	Tp. HCM	9/7	KT THTT	Nguyễn Văn Linh
50	Phạm Lê Tường	Vy	30	11	2003	Tp. HCM	9/3	KT THTT	Phạm Văn Hai
51	Phạm Thanh Trúc	Khang	10	2	2003	Tp. HCM	9/1	KT THTT	Phạm Văn Hai
52	Lại Thanh	Trúc	16	4	2003	Tp. HCM	9/6	KT THTT	Vĩnh Lộc B
53	Ngô Thị Kiều	Duyên	06	12	2003	Bạc Liêu	9/1	KT THTT	Tân Kiên
54	Võ Hoàng	Minh	14	05	2003	Tp. HCM	9/1	KT THTT	Tân Kiên
55	Nguyễn Đỗ Thủ	Khoa	22	2	2003	Tp. HCM	9/8	Lịch Sử	Bình Chánh
56	Lê Xuân	Ngọc	26	1	2003	Tp. HCM	9/9	Lịch Sử	Bình Chánh
57	Trần Nguyễn Bích	Tuyền	22	8	2003	Tp. HCM	9/9	Lịch Sử	Bình Chánh

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Môn thi	Trường THCS
			ngày	tháng	năm				
58	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	05	07	2003	Tp. HCM	9/1	Lịch Sử	Nguyễn Thái Bình
59	Nguyễn Hoàng	Yến	11	7	2003	Tp. HCM	9/10	Lịch Sử	Đồng Đen
60	Huỳnh Thị Thu	Ngân	16	03	2003	Tp. HCM	9/1	Lịch Sử	Nguyễn Thái Bình
61	Lê Hồ Thị Ngọc	Sáng	17	3	2003	Tp. HCM	9/6	Lịch Sử	Phạm Văn Hai
62	Phạm Minh	Phi	15	08	2003	Tp. HCM	9/1	Lịch Sử	Tân Kiên
63	Trần Văn	Phương	23	12	2003	Ninh Thuận	9/4	Lịch Sử	Tân Kiên
64	Bùi Minh	Quang	27	04	2003	Bến Tre	9/1	Lịch Sử	Tân Kiên
65	Nguyễn Đỗ Phương	Thảo	05	08	2003	Tp. HCM	9/6	Lịch Sử	Vĩnh Lộc B
66	Lê Hồng	Phúc	19	12	2003	Tp. HCM	9/6	Lịch Sử	Vĩnh Lộc B
67	Nguyễn Ngọc	Thảo	6	12	2003	Tp. HCM	9/1	Ngữ Văn	Đồng Đen
68	Hồ Thị Thanh	Thúy	20	12	2003	Tp. HCM	9/8	Ngữ Văn	Bình Chánh
69	Đoàn Ngọc Huyền	Trâm	17	10	2003	Long An	9/2	Ngữ Văn	Đa Phước
70	Trần Thúy	Hường	09	03	2003	Nam Định	9/1	Ngữ Văn	Nguyễn Thái Bình
71	Lê Lâm Kim	Ngân	15	02	2003	Tp. HCM	9/5	Ngữ Văn	Nguyễn Thái Bình
72	Nguyễn Hoài	Ngọc	28	11	2003	Tp. HCM	9/7	Ngữ Văn	Phong Phú
73	Thái Sĩ Tường	Như	21	7	2003	Tp. HCM	9/1	Ngữ Văn	Phạm Văn Hai
74	Nguyễn Phương Thành	Công	8	2	2003	Tp. HCM	9/1	Ngữ Văn	Tân Nhựt
75	Võ Thị Lan	Vy	18	07	2003	Tp. HCM	9/1	Ngữ Văn	Tân Kiên
76	Đào Trần Mai	Anh	18	02	2003	Tp. HCM	9/3	Ngữ Văn	Tân Túc
77	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	12	6	2003	Tp. HCM	9/5	Ngữ Văn	Tân Nhựt
78	Võ Hoàng Mỹ	Tiên	28	4	2003	Tp. HCM	9.4	Ngữ Văn	Tân Nhựt

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Môn thi	Trường THCS
			ngày	tháng	năm				
79	Trịnh Gia	Linh	15	3	2003	Tp. HCM	9/1	Ngữ Văn	Vĩnh Lộc A
80	Ngô Thị Ngọc	Anh	18	4	2003	Quảng Ngãi	9/2	Ngữ Văn	Võ Văn Vân
81	Trần Lê Tường	Vi	6	1	2003	Quảng Ngãi	9/6	Ngữ Văn	Võ Văn Vân
82	Nguyễn Thái Ngọc	Trâm	10	1	2003	Tp. HCM	9/4	Sinh học	Hưng Long
83	Dương Thị Kim	Oanh	2	9	2003	Lâm Đồng	9/7	Sinh học	Lê Minh Xuân
84	Hồ Thị Bích	Thảo	23	3	2003	Tp. HCM	9/7	Sinh học	Lê Minh Xuân
85	Châu Thị Ngọc	Trâm	4	3	2002	Tp. HCM	9/7	Sinh học	Lê Minh Xuân
86	Bùi Thiện	Khiêm	14	3	2003	Tp. HCM	9/1	Sinh học	Nguyễn Văn Linh
87	Trần Gia	Linh	22	10	2003	Tp. HCM	9/1	Sinh học	Nguyễn Văn Linh
88	Phan Lê Uyên	Nhi	6	6	2003	Tp. HCM	9/2	Sinh học	Nguyễn Văn Linh
89	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh	11	6	2003	Long An	9/2	Sinh học	Nguyễn Văn Linh
90	Nguyễn Ngọc	Hiệp	5	11	2003	Tp. HCM	9/2	Sinh học	Nguyễn Văn Linh
91	Nguyễn Duy Vân	Khanh	28	9	2003	Tp. HCM	9/2	Sinh học	Nguyễn Văn Linh
92	Phạm Gia	Bình	17	2	2003	Quảng Nam	9/1	Sinh học	Vĩnh Lộc A
93	Đinh Hồng	Lợi	8	11	2003	Quảng Nam	9/7	Sinh học	Vĩnh Lộc A
94	Cao Thị Thanh	Hiền	19	10	2003	Tp. HCM	9/11	Sinh học	Vĩnh Lộc A
95	Lê Phan Ngọc	Quý	12	5	2003	Tp. HCM	9/7	Sinh học	Vĩnh Lộc A
96	Lại Thị Minh	Thư	13	2	2003	Tp. HCM	9/1	Sinh học	Vĩnh Lộc A
97	Võ Quốc	Bảo	17	04	2003	Tp. HCM	9/9	Tiếng Anh	Bình Chánh
98	Phan Nguyễn Lê	Huy	01	02	2003	Tp. HCM	9/2	Tiếng Anh	Nguyễn Văn Linh
99	Dương Lê Thúy	Kiều	21	03	2003	Tp. HCM	9/2	Tiếng Anh	Nguyễn Thái Bình

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Môn thi	Trường THCS
			ngày	tháng	năm				
100	Nguyễn Minh	Khoa	06	08	2003	Tp. HCM	9/2	Tiếng Anh	Nguyễn Thái Bình
101	Huỳnh Nguyễn Anh	Khoa	06	01	2003	Tp. HCM	9/2	Tiếng Anh	Nguyễn Văn Linh
102	Đặng Hoàng Lan	Anh	15	12	2003	Tp. HCM	9	Tiếng Anh	Thế Giới Trẻ Em
103	Nguyễn Thành	Luân	29	7	2003	Quảng Ngãi	9	Tiếng Anh	Thế Giới Trẻ Em
104	Vũ Thị Quỳnh	Nga	21	10	2003	Thái Nguyên	9/3	Tiếng Anh	Võ Văn Vân
105	Hoàng Hải	Nhi	31	8	2003	Tp. HCM	9	Tiếng Anh	Thế Giới Trẻ Em
106	Trần Võ Hồng	Sơn	14	8	2003	Tp. HCM	9/1	Tiếng Anh	Phạm Văn Hai
107	Huỳnh Thị Minh	Tâm	07	11	2003	Tp. HCM	9/5	Tiếng Anh	Tân Túc
108	Dương	Thủy	4	5	2003	Hà Nội	9	Tiếng Anh	Thế Giới Trẻ Em
109	Lê Ngọc Yến	Vy	28	3	2003	Tp. HCM	9/6	Tiếng Anh	Nguyễn Văn Linh
110	Phạm Hoàng	Anh	04	03	2003	Tp. HCM	9/8	Tin Học	Bình Chánh
111	Huỳnh Đức Gia	Bảo	18	01	2003	Quảng Nam	9/6	Tin Học	Tân Túc
112	Nguyễn Tiến	Hậu	12	12	2003	Tp. HCM	9/3	Tin Học	Tân Túc
113	Đoàn Lê	Nguyễn	19	9	2003	Tp. HCM	9/6	Tin học	Nguyễn Văn Linh
114	Trần Thụy Ái	Nhân	06	10	2003	Tp. HCM	9/6	Tin học	Nguyễn Văn Linh
115	Nguyễn Thiện	Nhân	12	09	2003	Tp. HCM	9/5	Tin Học	Tân Túc
116	Trần Thanh	Tiến	29	04	2003	Tp. HCM	9/3	Tin Học	Tân Túc
117	Đoàn Duy	Thái	02	9	2003	Hà Tây	9/6	Tin học	Nguyễn Văn Linh
118	Trần Thành	Đạt	29	7	2003	Tp. HCM	9/6	Toán	Nguyễn Văn Linh
119	Đỗ Dự	Đức	1	6	2003	Tp. HCM	9/7	Toán	Phạm Văn Hai
120	Hoàng Bùi Thảo	Nguyễn	18	12	2003	Tp. HCM	9/6	Toán	Lê Minh Xuân

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Môn thi	Trường THCS
			ngày	tháng	năm				
121	Trần Vũ Đức	Phát	22	10	2003	Tp. HCM	9/3	Toán	Hưng Long
122	Nguyễn Đức	Huỳnh	16	3	2003	Kiên Giang	9/1	Toán	Phạm Văn Hai
123	Lê Nguyễn Kim	Ngân	21	1	2003	Tp. HCM	9/7	Toán	Phong Phú
124	Nguyễn Thiện	Nhân	11	05	2003	Tp. HCM	9/7	Toán	Tân Túc
125	Nguyễn Nhật Yên	Nhi	07	11	2003	Tp. HCM	9/7	Toán	Tân Túc
126	Nguyễn Thị Ngọc	Giang	31	08	2003	Tp. HCM	9/5	Toán	Tân Túc
127	Nguyễn Quốc	Lân	25	6	2003	Đắk Lắk	9/1	Toán	Vĩnh Lộc A
128	Võ Ngọc Đoan	Trang	9	2	2003	Tp. HCM	9/1	Toán	Vĩnh Lộc A
129	Lê Nguyễn Công	Thành	29	9	2003	Tp. HCM	9/1	Toán	Vĩnh Lộc A
130	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	6	7	2003	Tp. HCM	9/1	Toán	Vĩnh Lộc A
131	Lương Công	Bảo	02	11	2003	Tp. HCM	9/9	Vật Lý	Bình Chánh
132	Nguyễn Gia	Huy	26	02	2003	Tp. HCM	9/5	Vật Lý	Bình Chánh
133	Đỗ Thành	Công	10	03	2003	Tp. HCM	9/9	Vật Lý	Bình Chánh
134	Nguyễn Tuấn	Đạt	16	11	2003	Tp. HCM	9/7	Vật Lý	Lê Minh Xuân
135	Trần Nhật	Thành	2	1	2003	Tp. HCM	9/7	Vật Lý	Lê Minh Xuân
136	Trần Nguyễn Minh	Đạt	24	6	2003	Tp. HCM	9/3	Vật Lý	Phong Phú
137	Đào Văn	Quang	24	5	2003	Tp. HCM	9/1	Vật Lý	Phạm Văn Hai
138	Lưu Tuyết	Nhi	8	3	2003	Tp. HCM	9/7	Vật Lý	Phong Phú
139	Phan Huỳnh Minh	Tiền	21	7	2003	Tp. HCM	9/2	Vật Lý	Phạm Văn Hai
140	Bùi Phạm Thanh	Thế	3	5	2003	Tp. HCM	9/6	Vật Lý	Phong Phú
141	Lê Nguyễn Thanh	Triệu	3	1	2003	Tp. HCM	9/5	Vật Lý	Phạm Văn Hai

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Môn thi	Trường THCS
			ngày	tháng	năm				
142	Tiêu Huỳnh	Hưng	21	10	2003	Tp. HCM	9/8	Vật Lý	Tân Quý Tây
143	Lê Tấn	Nam	19	4	2003	Tp. HCM	9/5	Vật Lý	Tân Quý Tây
144	Nguyễn Phúc	An	20	03	2003	Tp. HCM	9/6	Vật Lý	Tân Túc
145	Phạm Tiến	Đạt	23	03	2003	Tp. HCM	9/6	Vật Lý	Vĩnh Lộc B
146	Đinh Hoàng	Kim	3	1	2003	Kiên Giang	9/1	TN KHTN	Vĩnh Lộc A
147	Nguyễn Thị Minh	Thùy	18	1	2003	Tp. HCM	9/1		
148	Lê Hà	My	29	11	2003	Tp. HCM	9/1	TN KHTN	Tân Kiên
149	Trần Công	Thành	30	11	2002	Tp. HCM	9/1		
150	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	22	10	2003	Tp. HCM	9/7	TN KHTN	Phong Phú
151	Đinh Tấn	Phát	1	7	2003	Tp. HCM	9/7		
152	Trịnh Quốc	Khải	16	02	2003	Tp. HCM	9/4	TN KHTN	Tân Kiên
153	Nguyễn Hồ Thanh	Thảo	16	10	2003	Tp. HCM	9/5		
154	Dương Bảo	Nhi	17	11	2003	Tp. HCM	9/1	TN KHTN	Vĩnh Lộc A
155	Trương Quỳnh	Như	30	7	2003	Tp. HCM	9/1		

Tổng kết danh sách có 155 học sinh tham gia các đội tuyển dự kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 - cấp Thành phố năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Trung

Nguyễn Trí Dũng